

TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI PA DÍ Ở LÀO CAI

LÊ VĂN BÉ

Trong *Danh mục thành phần các dân tộc Việt Nam*⁽¹⁾, người Pa Dí được xếp là một nhóm địa phương của người Tày, cư trú ở huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Một vài nhà khoa học đã có quan tâm đến nhóm người này như: Maurice Abadie, Lunett de Lajonquière, Tiên Hy, Giang Công Lương, Lê Văn Lô, Đặng Nghiêm Vạn⁽²⁾,... Trong *Thông báo Dân tộc học số 3 - 1973* (tr. 71-76) Ngô Đức Thịnh có bài viết *Người Pa Dí ở Lào Cai* (sau đó được đưa vào sách *Về vấn đề xác định thành phần các dân tộc thiểu số ở miền Bắc Việt Nam*. Nxb. Khoa học xã hội, H. 1975, tr. 287 - 305). Từ đó đến nay, chưa có tác giả nào tiếp tục nghiên cứu về nhóm người này. Trong bài này, chúng tôi tìm hiểu về một số nét đặc trưng của trang phục người Pa Dí.

1. Nguyên liệu làm trang phục

Người Pa Dí xưa kia biết trồng bông dệt vải như các dân tộc Tày, Nùng, Dao, Hmông. Đồng bào trồng bông trên nương mới phát, đất tươi xốp, có độ ẩm cao và nhiều mùn. Người ta trồng bông bằng cách gieo hạt vào tháng 2, tháng 3 âm lịch và thu hoạch vào tháng 6, tháng 7. □

1. Tổng cục Thống kê Công bố ngày 2 tháng 3 năm 1979.
2. Maurice Abadi, *Les races du Haut-Tonkin de Phong Thổ à Lạng Sơn*, Paris, 1921. Lunet de Lajonquière, *Ethnographie des territoires mittitaines*, Hanoi, 1904; *Ethnographie du Tonkin Septentrional*, Paris, 1906; Tiên Hy, *Les barbares soumis du Yun-nan* (M.G. Soulié, dịch lại và công bố năm 1908). Giang Công Lương, *Cổ đại văn hiến trung khí lục dich Thái tộc*, Văn Nam nhật báo 9/1956; Lê Văn Lô - Đặng Nghiêm Vạn, *Sơ lược giới thiệu các nhóm dân tộc Tày Nùng Thái ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, H. 1968.

những nương canh tác lâu năm, họ dùng cuốc cuốc hố, bỏ hạt rồi lấp một lớp đất mỏng, còn nương mới phát thì dùng gậy chọc lỗ để tra hạt. Theo kinh nghiệm của đồng bào, nếu trồng bông nơi đất tốt, mỗi cây bông cho từ 50 - 100 quả. Để bông có chất lượng cao, để rút sợi, thì khi thu hoạch về, người ta chọn những quả tốt, loại bỏ những quả xấu, rồi đem phơi nắng. Phương pháp cán bông, bạt bông, kéo sợi, dệt vải của người Pa Dí không khác gì các dân tộc Tày, Nùng.

Ngoài nguyên liệu sợi bông, người Pa Dí còn dùng sợi lanh dệt vải làm váy. Vải dệt từ sợi bông, sợi lanh có màu trắng, trước khi may y phục được người Pa Dí nhuộm chàm đen để cất may. Họ chế biến chàm để làm thuốc nhuộm như người Tày, Nùng, Thái.

Hiện nay người Pa Dí không còn trồng bông, dệt vải, mà họ mua vải của người Hán, người Nùng, người Việt (Kinh) để may quần áo. Cắt may quần áo do phụ nữ đảm nhiệm và công việc này được trao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Chính điều đó cũng làm cho trang phục của phụ nữ Pa Dí còn giữ lại được những đặc trưng văn hóa dân tộc, còn nam giới ăn mặc giống nam giới các dân tộc Tày, Nùng, Thái, Việt (Kinh).

2. Y phục

+ *Y phục nữ giới*

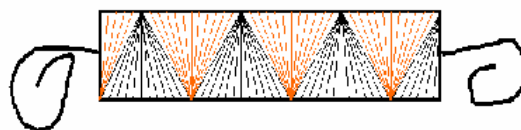
Phụ nữ đội mũ (*păn*), quấn khăn đầu (*mốt thừ*), mặc áo (*sứ*), váy (*sấn*), mang tạp dề (*pi dâu*), đi giày hài (*shop*), ...

Tr- óc khi đội mũ phụ nữ Pa Dí buộc tóc và quấn khăn. Cách quấn khăn nh- sau, lấy một miếng vải hình tam giác (*háng hổ nâu*) chiều đáy rộng khoảng 15 – 20cm, chiều cao 30 – 40cm có nối với một sợi dây vải dài khoảng 2 sải tay để cuộn tóc thành búi tròn, rồi lấy sợi dây vải quấn chặt, sau đó quấn búi tóc này quanh đầu; tiếp theo bịt trán bằng một cái khăn (*tai hổ*) dài 30 – 35cm, rộng 5-10cm trang

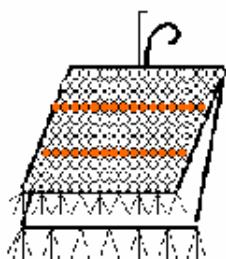
trí hoa văn theo cách đính các hạt bạc đặt tr- óc trán và có dải để buộc sau gáy; sau đó che gáy bằng một cái khăn vuông (*tạp hổ*) có cạnh 20-25cm và cũng gắn các bạc ở mặt khăn và tua tròn ở đầu khăn. Cuối cùng, ng- ời ta buộc cái chống mũ (*pân câu*) lên đỉnh đầu rồi đội mũ màu chàm đen đ- ợc may từ nhiều lớp vải cứng và gấp theo hình mái nhà.



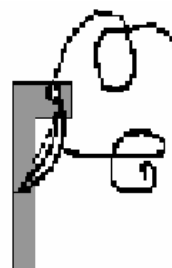
Hình 1: Dây quấn tóc (*háng hổ nâu*)



Hình 2: Khăn che tr- óc trán (*tai hổ*)



Hình 3: Mảnh khăn che sau gáy (*tạp hổ*)



Hình 4 : Cái chống mũ (*pân câu*)

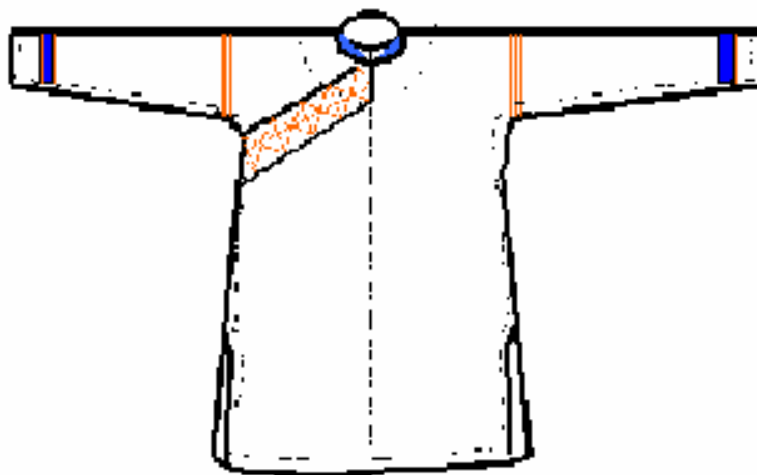


Các bộ phận của mũ đội đầu (*pân*)

Ảnh: Lê Bé

Phụ nữ Pa Dí mặc áo ngắn 5 thân xẻ nách, màu chàm đen, cổ áo, nẹp ngực trang trí hoa văn bằng cách gắn các hạt bạc (*nhân hạp*). Cúc vải cài nách bên phải; cúc hình tròn có máu cài. Ống tay áo ghép một miếng vải khác màu ở cửa tay và thêu dải hoa văn ở đầu vai áo (*bả xừ*). Dọc theo đường xẻ tà có viền chỉ đỏ, xanh. Cách cắt may áo 5 thân của phụ nữ Pa Dí cũng giống như cách cắt may của người Tày, Nùng, Thu Lao. Người ta lấy một mảnh vải vắt qua vai người mặc làm sao đủ cả chiều dài vạt trước và vạt sau, một mảnh khác vắt qua vai lấy đủ chiều dài vạt sau,

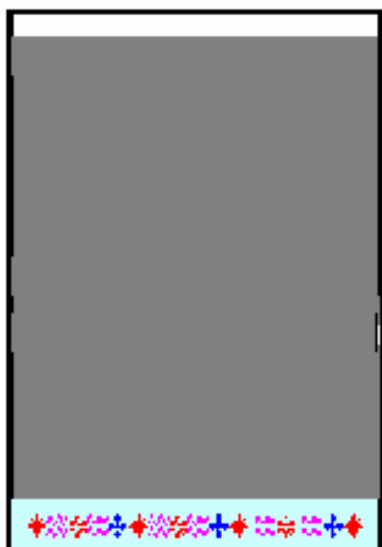
còn vạt trước đến ngang bụng (phần ngắn này là thân phụ phía trong). Khi khâu người ta cắt tiếp một thân trước bên phải để khâu nối liền với thân bên trái. Thân này tạo nẹp ngực và khếp vào để cài cúc bên nách phải. Như vậy áo xẻ từ cổ chéo qua nách phải, cài một cúc ở cổ, một cúc ở đỉnh tà và một cúc ở nách phải. Khi may, ống tay áo được nối thêm vải cho dài đến cổ tay. Đầu ống tay áo có đắp thêm một miếng vải khác màu (rộng 3 đến 4 cm), đầu vai áo có thêu đường hoa văn chạy quanh tay áo.



Hình 7: Áo phụ nữ (shừ)

Phụ nữ Pa Dí mặc váy màu chàm đen, ghép từ 3 - 4 mảnh vải tự dệt, với 6 đến 8 đường chỉ khâu dọc theo thân váy tạo váy thành hình ống. Váy có 3 phần: đầu váy, thân váy và gấu váy. Đầu váy là một mảnh vải khác màu rộng chừng 5 - 10cm, dài gần gấp đôi vòng bụng, nối liền với thân váy. Thân váy là những mảnh vải tự dệt cắt vừa chiều cao từ bụng đến mắt cá chân. Gấu váy rộng khoảng 10 cm trang trí hoa văn làm tăng vẻ đẹp của váy. Váy loại này khi mặc bó sát mông, rất giống

váy của người Thái. Sau khi mặc áo và váy, người Pa Dí thắt tạp dề màu chàm xanh ngang bụng để giữ chặt chiếc váy trên người và chống bẩn cho váy, áo. Tạp dề (*pi dâu*) là mảnh vải hình chữ nhật có chiều rộng khoảng 60 cm và chiều dài tùy thuộc vào chiều cao của người sử dụng (khoảng 70 - 80cm), đầu tạp dề trang trí một dải hoa văn theo chiều rộng của tạp dề, 2 góc gắn 2 dây vải để buộc tạp dề vào bụng.



Hình 8: Váy (shán)

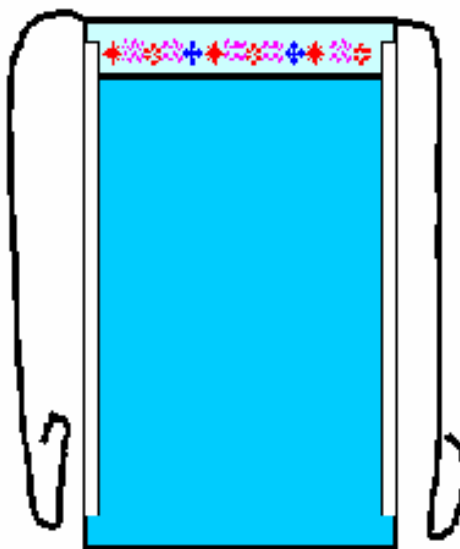
Phụ nữ Pa Dí khi đi làm ruộng, n- ơng, lên rừng lấy củi,... th- ờng quấn xà cạp ở chân. Xà cạp của họ có hình tam giác; đầu nhọn của tam giác có khâu dây buộc vào bắp chân. Nữ Pa Dí quấn xà cạp từ cổ chân đến hết bắp chân. Quấn xà cạp nhằm chống rét, côn trùng cắn và để leo núi đỡ đau bắp chân.

Cũng nh- nhiều dân tộc c- trú dọc vùng biên giới phía Bắc, ng- ời Pa Dí tr- ớc đây cũng đi giày hài tự khâu, nay họ đi loại giày, hoặc dép nhựa có quai hậu, là những thứ mua ở chợ.

Để che nắng, m- a, phụ nữ Pa Dí th- ờng đội nón nan, kiểu nón rộng vành và chóp bằng - loại nón phổ biến ở các dân tộc dọc biên giới Việt - Trung.

+ Y phục nam giới

Nam giới Pa Dí ăn mặc giống ng- ời Tày, Nùng, Thái, Dao sống bên cạnh, gồm có khăn quấn đầu, áo, quần và giày vải. Tr- ớc đây nam giới để tóc dài, búi tóc cu,



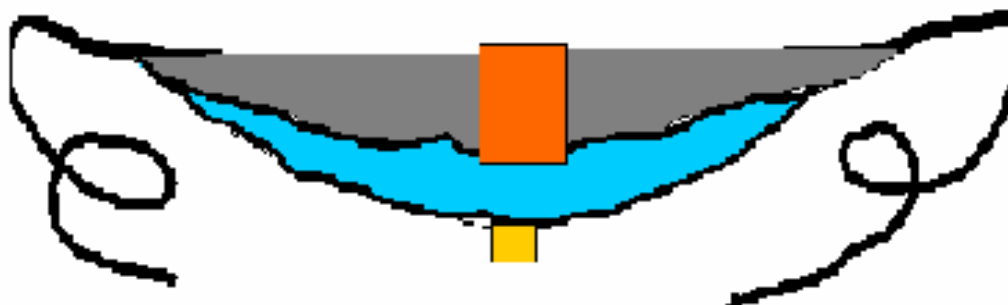
Hình 9: Tạp dề phụ nữ (pi dàu)

quấn khăn vành quanh đầu. Khăn của nam giới là một mảnh vải rộng khoảng 20 cm dài 2 sải tay. Nam Pa Dí mặc áo cánh màu chàm, xẻ tr- ớc ngực, có 3 túi vải, 1 túi trên và 2 túi d- ới, cổ đứng và có hàng cúc vải 6- 7 chiếc; mặc quần chân què, cạp lá tọa ống rộng 30 – 35 cm. Hiện nay nam giới Pa Dí đang có xu thế mặc âu phục nh- ng- ời Việt (Kinh).

+ Y phục trẻ em

Y phục trẻ em không có gì đặc biệt. Lúc mới sinh bố mẹ lấy những miếng vải quần áo cũ để làm tã lót; từ 1 tuổi trở lên quần áo cắt may giống ng- ời lớn. Hiện nay, trẻ em có xu h- ớng mặc đồ may sẵn, có bán nhiều ở chợ. Tuy nhiên, tuổi thơ của chúng gắn liền với chiếc mũ truyền thống của dân tộc. Loại mũ này khâu bằng 4 múi vải chàm; xung quanh thành mũ trang trí hoa văn hình sao 8 cánh, con cá, các chữ Hán,... Mũ trẻ em gái trang trí sắc sỡ hơn mũ trẻ em trai.

Trẻ nhỏ đi học bố mẹ mang bên mình từ đỉnh đến đáy dài 1m, quai dài 3 sợi trong chiếc địu. Địu trẻ em hình tam giác, tay, mặt địu trang trí hoa văn rất đẹp.



Hình 7: Địu trẻ em

Qua khảo sát điền dã ở người Pa Dí, chúng tôi thấy ngoài bộ trang phục thường ngày như đã mô tả, họ không còn kiểu trang phục nào khác. Họ không có bộ lễ phục trong cưới xin, lễ hội. Trong ngày cưới cô dâu chú rể cũng mặc bộ trang phục hàng ngày như mọi hôm. Khi đi làm, người ta mặc những bộ quần áo cũ, những bộ quần áo đã thay nổi tà, ghép thêm vai,... Các thầy cúng của người Pa Dí không có trang phục riêng khi hành nghề. Trong lúc tang ma, người Pa Dí chỉ quấn thêm chiếc khăn trắng, không có tang phục riêng.

3. Đồ trang sức

Y phục của người Pa Dí rất ít hoa văn, nhất là y phục nam giới. Y phục nữ chỉ có hoa văn ở đầu khăn, cổ áo, nẹp tà, đầu ống tay áo, gấu váy. Trên hai đầu khăn của người Pa Dí có những đường viền chỉ đỏ; trên cổ áo, nẹp tà, đầu ống tay áo có thêu các đường sóng nước; trên gấu váy trang trí các mảng hoa văn với hình sao 8 cánh, đường sóng nước, hình quả trám,...

Ngoài cách trang trí hoa văn trên, người Pa Dí còn dùng đồ trang sức như vòng cổ, vòng tay, khuyên tai, nhẫn,... Các

đồ trang sức được làm bằng vàng, bạc, đồng, sắt mạ,... Tróc đây có một số người Pa Dí biết làm đồ trang sức, hiện nay họ mua của người Việt (Kinh), Hán, Dao. Người lớn, trẻ em Pa Dí đều dùng các đồ trang sức, như phụ nữ và trẻ em sử dụng nhiều hơn. Các em nhỏ cả trai và gái đều đeo vòng cổ, vòng tay bằng bạc, vừa là trang sức vừa là một thứ bùa để tránh tà ma làm hại đến hồn vía của đứa trẻ. Khi lớn, nam giới thường không đeo vòng tay, vòng cổ, hoa tai; có chăng chỉ đeo nhẫn, hoặc khi về già, sau lễ thọ mới đeo vòng tay. Người Pa Dí quan niệm bạc là thứ kỵ gió và là một loại bùa hộ mệnh, nên trẻ và già đều dùng để bảo vệ sức khỏe, tránh tà ma, vía độc. Phụ nữ Pa Dí sử dụng đồ trang sức nhiều hơn những dân tộc sống bên cạnh như Tày, Nùng, Giáy. Người phụ nữ Pa Dí nào cũng có vòng cổ, vòng tay, hoa tai, nhẫn,... Vòng cổ, vòng tay, hoa tai, nhẫn của người Pa Dí không khác của người Tày, Nùng và một số dân tộc ở vùng biên giới phía Bắc.

Khi đi xa, người Pa Dí đeo một cái túi bên người được may bằng vải chàm tự dệt. Loại túi này phổ biến ở các dân tộc vùng Tây Bắc cũng như Đông Bắc. Túi của phụ

nữ th- ờng đựng những đồ dùng thiết yếu nh- khăn tay, kim chỉ, hộp trầu, con dao con... và điều đó cũng thể hiện rõ chức năng phân biệt giới tính và thẩm mỹ. Nam giới Pa Dí th- ờng đeo chiếc túi có trang trí hoa văn đơn giản. Phụ nữ th- ờng dùng loại túi đ- ọc làm cầu kỳ, trên miệng và hai bên có những đ- ờng viền màu đỏ, thêu hoa văn hình bông hoa hoặc ngôi sao tám cánh màu sắc sặc sỡ; quai túi dệt bằng sợi tơ tằm và hoa văn rất đẹp. Ng- ời già dùng tay nải đeo bên hông. Tay nải có thể vừa xách, vừa đeo hoặc cũng có thể dùng hai tay nải để gánh. Cách cắt may loại túi này nh- sau: lấy một miếng vải hình chữ nhật có chiều dài khoảng 2m, rộng 40cm, gấp 2 góc đối nhau để tạo thành một hình bình hành, sau đó gấp tiếp đ- ờng chéo ngắn của hình bình hành rồi khâu các đ- ờng mép vải lại thì sẽ đ- ọc một cái túi có 2 góc nhọn làm quai.



Đồ trang sức của phụ nữ Pa Dí

Ảnh: Lê Bé

Hiện nay, do tác động của kinh tế thị tr- ờng, giao l- u kinh tế giữa hai bên biên giới mở rộng, trang phục của ng- ời Pa Dí đang ngày một thay đổi nhanh chóng. Trang phục nam Pa Dí mang dáng dấp trang phục ng- ời Việt (Kinh), còn trang phục nữ thì t- ơng tự nh- của ng- ời đồng tộc bên kia biên giới Việt - Trung.



Thiếu nữ Pa Dí trong trang phục truyền thống

Ảnh: Lê Bé

4. Một vài ý kiến nhận xét

Trang phục của ng- ời Pa Dí đang có nhiều thay đổi trong đời sống hiện đại. Nam giới Pa Dí hầu nh- không còn trang phục truyền thống. Họ có xu h- ớng theo cách ăn mặc của ng- ời Việt (Kinh). Những nét đặc tr- ng tộc ng- ời thể hiện trên trang phục chỉ còn lại ít nhiều ở trang phục nữ giới.

Phụ nữ Pa Dí mặc áo 5 thân ngắn, xẻ nách giống kiểu áo của nữ ng- ời Tày, Thu Lao, Nùng, Giáy, Thái... , một loại áo phổ biến ở vùng biên giới phía Bắc: Cổ áo và nẹp ngực gắn bạc. Cách cắt may áo, váy, tạp dề, xà cạp và khâu giày hài của ng- ời Pa Dí cũng giống nh- ng- ời Tày, Nùng, Thái. Tiếng Pa Dí gọi các bộ phận trang

phục rất giống ng- ời Nùng, chỉ khác ở cách phát âm nặng nhẹ mà thôi.

Tuy vậy, trang phục nữ giới Pa Dí cũng có những nét riêng biệt nhất định, áo nữ Pa Dí, nẹp ngực đính một mảng cúc bạc (rộng 5 - 7 cm) từ cổ xuống nách; nách áo có treo một viên bạc, ống tay áo có mảnh vải khác màu ở cửa tay nh- tay áo của ng- ời Nùng, Giáy, Thu Lao. Phụ nữ Pa Dí ngoài quần khăn còn đội mũ vải rất giống kiểu đội khăn piêu của ng- ời Thái.

Từ những đặc điểm trang phục truyền thống của ng- ời Pa Dí có thể thấy rằng, ng- ời Pa Dí là một nhóm trong khối cộng đồng ng- ời Choang ở miền Nam Trung Quốc, chuyển c- vào Việt Nam ch- a lâu.

Tài liệu tham khảo

1. Abiliet (1898), *Nguồn gốc ng- ời Thổ*, (Lã Văn Lô dịch - tài liệu dịch của Viện Dân tộc học), Ký hiệu: D/267.
2. Ban Dân tộc Tuyên Quang (1972), *Các dân tộc thiểu số ở Tuyên Quang*, Ban Dân tộc Tuyên Quang xuất bản.
3. Lê Văn Bé (1997), *Trang phục Nùng ở vùng Đông Bắc Việt Nam (Vài nét về nguồn gốc tộc ng- ời có ảnh h- ởng đến trang phục)*, *Tạp chí Dân tộc học*, số 4, tr. 23 - 29.
4. Lê Văn Bé (2000), *Trang phục của ng- ời Nùng ở tỉnh Lạng Sơn*, *Tạp chí Dân tộc học*, số 1, tr. 61-74.
5. Khổng Diễn (1995), *Dân số và dân số tộc ng- ời ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Girard Dhenry (1898), *Ghi chép về ng- ời Nùng ở th- ợng du Bắc kỳ*, (tài liệu dịch của Viện Thông tin Khoa học xã hội), ký hiệu N⁰ 3364.
7. Lã Văn Lô, Đặng Nghiêm Vạn (1968), *Sơ lược giới thiệu các nhóm dân tộc Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. Hoàng Nam (1981), *Quần áo cổ truyền các dân tộc Tày Nùng là di sản văn hoá quý báu*, trong sách *Một số vấn đề về lịch sử - văn hoá các dân tộc Việt Bắc*, Thái Nguyên, tr. 65 - 67.
9. Hoàng Nam (1992), *Dân tộc Nùng ở Việt Nam*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.
10. Lê Ngọc Quyên (1991), *Nữ phục Nùng Dín ở Hà Tuyên*, *Tạp chí Dân tộc học*, số 3, tr. 55 - 58.
11. Ngô Đức Thịnh (1994), *Trang phục cổ truyền các dân tộc Việt Nam*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.
12. Tổ điều tra lịch sử xã hội các dân tộc tỉnh Vân Nam (1963), *Di tộc giản giới*, Vân Nam Nhân dân xuất bản xã, Côn Minh, (bản dịch của Viện DTH), Ký hiệu D 135.
13. Tổng cục Thống kê (8-2001), *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam 1999*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
14. V- u Trung (1979), *Trung Quốc tây nam đích cổ đại dân tộc*, Vân Nam Nhân dân xuất bản xã, Côn Minh, (bản dịch của Viện DTH).
15. Viện Dân tộc học (1978), *Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam* (Các tỉnh phía Bắc, Tập thể tác giả), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
16. Viện Dân tộc học (1992), *Các dân tộc Tày, Nùng ở Việt Nam*, Hà Nội.
17. Viện Dân tộc học (1975), *Về vấn đề xác định thành phần các dân tộc thiểu số ở miền Bắc Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.